

I. Đặc điểm chung

- **Tên công ty:** Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên
- **Ngày tháng năm thành lập:** 27/10/2009
- **Địa chỉ:** Số 3 đường Tô Hiệu, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
- **Nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chính:**
 - + Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
 - + Thiết kế các công trình cấp nước quy mô vừa và nhỏ;
 - + Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước quy mô vừa và nhỏ.
- **Hình thức sắp xếp lại:** Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước
- **Thuận lợi:**
 - + Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở ban ngành hữu quan trong tỉnh.
 - + Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
 - + Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: xây dựng, vận hành, quản lý nhà máy và mạng lưới cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước...
 - + Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Công ty đã được đầu tư cải tạo, công suất các nhà máy được nâng cao, hệ thống cấp nước được mở rộng trong toàn tỉnh, là cơ hội để Công ty phát triển.
 - + Công ty nhận được nhiều sự ủng hộ của khách hàng, khẳng định được vị thế, uy tín trên thị trường.
- **Khó khăn:**

- + Nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn do hậu quả của suy thoái kinh tế; việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng chậm; thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.
- + Mức lương tối thiểu của Nhà nước tăng, giá điện, vật tư, hóa chất tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất tăng trong khi đó giá nước Công ty chưa được điều chỉnh kịp thời để đủ bù đắp chi phí (từ năm 2010 cho đến nay giá nước của Công ty chưa được điều chỉnh).
- + Tình hình tài chính của Công ty gặp khó khăn, áp lực trả lãi vay tín dụng để xây dựng các dự án; các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các thị trấn, thị tứ vùng nông thôn một số huyện có vốn đầu tư lớn nhưng công suất tiêu thụ giai đoạn đầu còn thấp, chưa đạt so với thiết kế.
- + Tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước tiếp tục tăng cao; mực nước sông, nước ngầm xuống thấp dẫn đến việc khai thác và xử lý nước sẽ khó khăn.

II. Phương án sử dụng lao động

1. Lao động trước khi sắp xếp

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên: **101 người**.

Trong đó Nữ: 34 người

Trong đó:

a) Số lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động: 06 người (*Viên chức quản lý chuyên trách*)

b) Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động: 93 người.

c) Số lao động đang ngừng việc: 00 người.

d) Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội: 02 người.

e) Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương: 00 người.

đ) Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động: 00 người.

Trong đó: Số đang là người đại diện phần vốn của công ty: 00 người.

2. Phương án sử dụng lao động

a) Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại: **97 người**, trong đó Nữ: 34 người.

Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng: 97 người.
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 00 người;
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 0 người.

b) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 00 người.

c) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 03 người, trong đó nữ: 00 người.

Trong đó:

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 02 người;
- Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 00 người;
- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: 01 người;

d) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 00 người, trong đó nữ: 00 người

đ) Số lao động nằm trong danh sách chuyển sang Công ty cổ phần nhưng đã nghỉ việc tại thời điểm Tháng 01/2017: 01 người.

3. Kinh phí dự kiến

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: **285.980.500 đồng**,

Trong đó:

a) Thực hiện chế độ đối với số lao động về hưu trước độ tuổi quy định (phụ lục 6): 176.087.500 đồng;

b) Đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH (phụ lục 7): 00 đồng;

c) Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 (phụ lục 8) không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 109.893.000 đồng;

d) Thực hiện chế độ đối với số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau (phụ lục 9) không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 00 đồng

4. Nguồn kinh phí đảm bảo

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: **285.980.500 đồng**,

Trong đó:

- a) Nguồn từ tiền bán cổ phần: **285.980.500** đồng.
b) Chi phí của doanh nghiệp: 00 đồng.
c) Đề nghị Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp: 00 đồng./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Đã ký)

Bùi Thế Quang

Hung Yên, ngày tháng
năm 2017
PHÊ DUYỆT CỦA
CHỦ SỞ HỮU
(Chức danh, ký tên, đóng dấu)

Hung Yên, ngày 20 tháng 01
năm 2017
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hoa